

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 15/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hồng Vũ;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Như Quang;
 2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.
- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLST – DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T.
Địa chỉ: Đường H, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn Đ. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T.
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Mai Văn Đ là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng mua bán số 12/HĐ ngày 20/5/2018 được ký kết giữa Công ty Cổ phần T với Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T, Công ty đồng ý bán nợ phân bón các loại cho ông H, bà T nhiều lần. Cụ thể, Phiếu xuất kho ngày 28/5/2018, ông H, bà T nợ số tiền 13.450.000 đồng; Phiếu xuất kho ngày 18/9/2018, ông H và bà T nợ số tiền 18.000.000 đồng; Phiếu xuất kho bán hàng ngày 03/7/2018, ông H và bà T nợ số tiền 13.720.000 đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng, bên mua hàng là ông H và bà T phải thực hiện việc thanh toán từ ngày nhận hàng đến ngày 20/12/2018. Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng ông H và bà T vẫn chưa trả tiền cho Công ty. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T phải trả cho Công ty số tiền 45.170.000 đồng. Công ty không yêu cầu ông H và bà T trả tiền lãi mà các bên đã thỏa thuận.

2. Ý kiến của bị đơn: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 để giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu bị đơn là Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T phải thanh toán tiền nợ từ việc mua bán phân bón cho nguyên đơn nên thuộc quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai các Văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán số 12/HĐ ngày 20/5/2018 giữa Công ty Cổ phần T với Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T, Công ty đã 03 lần bán nợ phân bón cho ông H và bà T. Cụ thể: Phiếu xuất kho ngày 28/5/2018, ông H và bà T nợ số tiền 13.450.000 đồng; Phiếu xuất kho ngày 18/9/2018, ông H và bà T nợ số tiền 18.000.000 đồng và Phiếu xuất kho bán hàng ngày 03/7/2018, ông H và bà T nợ số tiền 13.720.000 đồng. Tổng số tiền nợ là 45.170.000 đồng.

Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ chậm nhất đến hết ngày 20/12/2018 nhưng đã không thực hiện nên có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn. Theo kết quả xác minh của Tòa án, hiện tại ông H và bà T không còn cư trú tại địa chỉ đã cung cấp khi giao dịch mua bán phân bón với nguyên đơn nhưng không thông báo địa chỉ mới cho bên có quyền, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc tiếp tục thực hiện các nội dung đã thỏa thuận nên xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 45.170.000 đồng là có căn cứ quy định tại Điều 280, Điều 351 và Điều 352 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là (5% x 45.170.000đ) 2.258.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 351; Điều 352; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền là 45.170.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.258.500 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi tám ngàn năm trăm đồng*).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.129.250 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi chín ngàn hai trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008468 ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ